

Số: ~~462~~ /CV-ĐHNL-KHCN

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 5 năm 2021

V/v kê khai giờ NCKH
năm học 2020-2021

Kính gửi: Lãnh đạo các Khoa và Trung tâm NN&THUD

Thực hiện Quyết định số 123/QĐ-ĐHNL ngày 04/02/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên trong Trường đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Nhà trường đề nghị các đơn vị thực hiện việc kê khai giờ NCKH năm học 2020 - 2021 của giảng viên thuộc đơn vị (kể cả giảng viên kiêm nhiệm) như sau:

1. Giảng viên trong đơn vị chuẩn bị đầy đủ minh chứng kèm bản kê khai theo mẫu biểu 1 (đính kèm công văn) và cập nhật các minh chứng liên quan (đề tài, bài báo khoa học, giáo trình, sách tham khảo,...) lên Mysite để tính giờ NCKH theo quy định.

2. Các đơn vị chịu trách nhiệm:

- Rà soát, thẩm định và xác nhận giờ NCKH trong năm học;
- Thẩm định số lượng bài báo khoa học được quy định đối với Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ theo quy định tại Quyết định số 123/QĐ-ĐHNL ngày 04/02/2021;
- Quản lý các minh chứng và thông tin cập nhật trên Mysite của từng giảng viên;
- Tập hợp và lưu giữ bản kê khai có ý kiến thẩm định của lãnh đạo đơn vị;
- Thống kê giờ NCKH theo biểu mẫu 2 và biểu mẫu 3 (đính kèm công văn) sau thẩm định tại đơn vị và gửi về phòng KHCN&HTQT (đ/c Nguyễn Thị Hương Xiêm nhận), bản điện tử gửi qua Email: phongqlkhqht@tuaf.edu.vn **trước ngày 27/5/2021**.
- Các minh chứng để tính giờ NCKH chỉ được tính trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 6/2021 (đối với bài báo khoa học dự tính đăng trong tháng 6/2021 cần có chấp nhận đăng của tạp chí).

3. Các văn bản có liên quan và biểu mẫu tổng hợp được đăng tải trên Website, đề nghị các đơn vị và giảng viên thực hiện theo đúng biểu mẫu quy định.

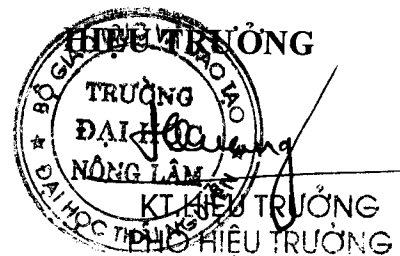
Phòng KHCN&HTQT sẽ tiến hành kiểm tra kết quả kê khai giờ NCKH của các cá nhân, minh chứng và kết quả thẩm định từng đơn vị từ ngày 01-04/6/2021 tại văn phòng của bộ phận KHCN (P404 nhà Trung tâm).

Kết quả thẩm định giờ NCKH sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua trong năm học đối với giảng viên và đơn vị.

Đề nghị lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHCN.



PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

Lưu ý: - Đề tài NCKH cấp trường sẽ kê khai 50% cho năm học trước và 50% cho năm học sau.
- Trường hợp được miễn, giảm giờ NCKH cần ghi rõ lý do và thời gian được miễn, giảm.

BẢNG KÊ KHAI CÁ NHÂN GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2020 - 2021

Mẫu 1

Họ và tên:

Chức danh giảng dạy trong năm học 2020 - 2021:

Học hàm, học vị:

Bộ môn:

Khoa:

Giờ nghiên cứu khoa học (Quyết định số 123/QĐ-ĐHNL ngày 04/02/2021)

Định mức giờ chuẩn NCKH/năm học:

Số giờ miễn/giảm: Lý do:

Số giờ NCKH thực hiện/năm học:

Số bài báo đăng tải: bài

TT	Nhiệm vụ	Hệ số quy đổi	Số giờ chuẩn	Cá nhân kê khai	Khoa thẩm định	
					Số tiết	Số minh chứng mã hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thực hiện các nhiệm vụ NCKH[1]					
1	Đề tài cấp Nhà nước trong thời gian thực hiện , mỗi năm được tính	4,0	400			
2	Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nhánh cấp Nhà nước trong thời gian thực hiện, mỗi năm được tính	3,5	350			
3	Đề tài, dự án cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Đại học Thái Nguyên trong thời gian thực hiện, mỗi năm được tính	3,0	300			
4	Đề tài cấp Trường trong thời gian thực hiện, mỗi năm được tính (đề tài đạt giải thưởng Tài năng khoa học trẻ Việt Nam được cộng thêm 200 giờ)	1,0	100			
5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học hoặc hướng dẫn sinh viên tham dự các cuộc thi cấp quốc gia (giảng viên hướng dẫn được cộng thêm 100 giờ nếu là đề tài sinh viên NCKH đạt giải tài năng khoa học trẻ Việt Nam hoặc đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc gia)	0,7	70			

lsh

II	Công bố các kết quả nghiên cứu[2]					
1	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI,...) và SCOPUS	3,0	300			
2	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác có ISSN	2,0	200			
3	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước có ISSN được Hội đồng chức danh Giáo sư, Phó giáo sư công nhận:					
	- Điểm được tính: <1,0 điểm	1,0	100			
	- Điểm được tính: $\geq 1,0$ điểm	2,0	200			
4	Báo cáo trình bày tại Hội nghị chuyên ngành quốc tế được đăng trong kỷ yếu có ISSN hoặc ISBN	1,5	150			
5	Báo cáo trình bày Hội nghị chuyên ngành quốc gia và được đăng trong kỷ yếu hội nghị có ISSN hoặc ISBN	1,0	100			
6	Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình					
	- Giáo trình: mỗi tín chỉ được tính	1,0	100			
	- Sách chuyên khảo: 50 trang tiêu chuẩn được tính	1,0	100			
	- Sách tham khảo: 75 trang tiêu chuẩn được tính	0,5	50			
III	Sở hữu trí tuệ (chia đều cho các tác giả)					
1	Kết quả ứng dụng KHCN được cấp bằng độc quyền sáng chế	2,0	200			
2	Giải pháp hữu ích	1,5	150			
3	Quyền tác giả, tác phẩm	1,0	100			
IV	Các hoạt động khác					
1	Báo cáo tham luận tại các hội thảo khoa học cấp trường, khoa		6			
2	Các đề tài, dự án hợp tác quốc tế, dự án sản xuất thử, hợp đồng NCKH và chuyển giao KHCN với các địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp,...ký qua trường hoặc các đơn vị trong trường. Số giờ chuẩn được tính cho GV trực tiếp nộp quỹ phúc lợi Nhà trường từ các hợp đồng ký giữa đơn vị chủ quản với chủ nhiệm đề tài, dự án hoặc từ chủ nhiệm đề tài với các thành viên tham gia.		100.000 đồng nộp quỹ/1 giờ			

leph

3	Huấn luyện sinh viên, CBVC thi đấu thể thao đạt giải các cấp (dành riêng cho giảng viên thể thao) (có QĐ của Nhà trường):				
	- Cấp Bộ		20		
	- Cấp Tỉnh		15		
	- Cấp Đại học		10		
4	Phiên dịch, biên dịch phục vụ/1 hội thảo (dành riêng cho giảng viên ngoại ngữ).		10		
	Tổng (I+II+III+IV)				

[1] Chủ nhiệm được tính 50% số giờ, phần còn lại chia đều cho các thành viên.

[2] Tác giả đứng đầu được tính 50% số giờ (trường hợp tác giả đứng đầu không phải là tác giả chịu trách nhiệm thì 50% số giờ được chia đều cho 2 tác giả), 50% số giờ còn lại chia đều cho các đồng tác giả.

Ghi chú :

* Yêu cầu các đơn vị chủ động quản lý, chịu trách nhiệm tính chính xác về việc cập nhật lên Mysite các minh chứng của toàn thể giảng viên thuộc đơn vị mình;

* Số nhiệm vụ KHCN (cột 2) sẽ tương ứng với số minh chứng (cột 7): có nghĩa số lượng nhiệm vụ tương ứng với số minh chứng được mã hóa;

* Một minh chứng có thể được dùng cho nhiều giảng viên, ví dụ: Nguyễn Văn A ở Bộ môn Sinh lý sinh hóa làm chủ nhiệm đề tài cấp trường E, Nguyễn Thị B ở bộ môn Rau hoa quả tham gia đề tài cấp trường E, Trần Thị C tham gia đề tài cấp trường E. Như vậy, số minh chứng được mã hóa của Khoa với cả 3 giảng viên trên đều là I.4.1 (Trong đó I.4 là số thứ tự theo bảng trên, 1 là số thứ tự minh chứng số được Khoa mã hóa).

Khoa duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021
Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

leb

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
KHOA.....

BẢNG TỔNG HỢP GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2020 - 2021

STT (1)	Tên nhiệm vụ KHCN (2)	Số giờ của Khoa (3)	Số minh chứng mã hóa (4)
I			
1			
2			
...			
II			
1			
2			
...			
III			
1			
2			
...			
IV			
1			
2			
...			
V			
1			
2			
...			
	Tổng số		

Ghi chú: Yêu cầu các Khoa chủ động quản lý, chịu trách nhiệm tính chính xác về việc cập nhật lên Mysite các loại minh chứng của toàn thể giảng viên đơn vị mình.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2020 - 2021 TỪ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Chức danh giảng dạy	Học hàm, học vị	Số bài báo đăng tải	Định mức giờ chuẩn/năm (GTC)	Số giờ được miễn, giảm, lý do	Số giờ cá nhân kê khai (GTC)	Số giờ Khoa thẩm định (GTC)	Số minh chứng mã hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									
4									
...									
	Tổng số								

Ghi chú: Yêu cầu các Khoa chủ động quản lý, chịu trách nhiệm tính chính xác về việc cập nhật lên Mysite các loại minh chứng của toàn thể giảng viên đơn vị mình.

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2021

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỊNH MỨC GIỜ NCKH ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN

(Định mức thực hiện theo tỷ lệ giờ giảng dạy tại Quyết định số 123/QĐ-Đại học Nông Lâm ngày 04/02/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên trong Trường đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên)

- * Định mức số giờ NCKH của giảng viên là 100 giờ chuẩn (tương đương 300 giờ hành chính).
- * Định mức về công bố bài báo đối với giảng viên trong năm học:
 - GS, PGS: đăng tải tối thiểu 01 bài báo quốc tế trong danh mục ISI/SCOPUS hoặc 02 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng chức danh Giáo sư công nhận.
 - TS: đăng tải tối thiểu 01 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng chức danh Giáo sư công nhận.
- * Định mức giờ NCKH đối với Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo kiêm nhiệm các công tác quản lý và một số trường hợp khác:

STT	Danh mục	Tỷ lệ giờ NCKH/năm phải thực hiện theo định mức giờ chuẩn NCKH (%)
1.	Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường	15
2.	Phó Hiệu trưởng, Viện trưởng Viện KHSS	20
3.	Trưởng phòng, thư ký Hội đồng trường, Phó Viện trưởng Viện KHSS, Viện trưởng Viện NC&PTLN, Giám đốc trung tâm	25
4.	Phó trưởng phòng, Phó giám đốc Trung tâm, Phó Viện trưởng Viện NC&PTLN, Trưởng phòng Viện KHSS	30
5.	Trưởng khoa, phó trưởng khoa: đối với khoa có 40GV cơ hữu trở lên và có quy mô 800 SV trở lên	
	- Trưởng khoa	60
	- Phó trưởng khoa	70
	Trưởng khoa, phó trưởng khoa: đối với khoa có 40GV cơ hữu trở lên và có quy mô 800 SV trở lên	
	- Trưởng khoa	70
	- Phó trưởng khoa	80
6.	Trợ lý đào tạo - khoa học, trợ lý khảo thí - quản lý sinh viên	85
7.	Trưởng bộ môn	80
8.	Phó trưởng bộ môn	85
9.	Chủ nhiệm lớp kiêm cố vấn học tập	85
10.	Bí thư Đảng ủy:	
	- Trường hợp có bố trí cán bộ chuyên trách	25
	- Trường hợp không bố trí cán bộ chuyên trách	15
11.	Phó bí thư Đảng ủy, ủy viên thường vụ Đảng ủy, trưởng Ban thanh tra nhân dân, trưởng Ban nữ công, chủ tịch Hội cựu chiến binh	
	- Trường hợp có bố trí cán bộ chuyên trách	85
	- Trường hợp không bố trí cán bộ chuyên trách	30
12.	Bí thư chi bộ	85

AD
 NG
 OC
 LAM
 NG

W

13.	Phó bí thư chi bộ	90
14.	Bí thư đoàn trường là Giảng viên	
	- Số lượng SV chính quy từ 10.000 trở lên	30
	- Số lượng SV chính quy từ 5.000 đến 10.000	40
	- Số lượng SV chính quy dưới 5.000	50
15.	Phó Bí thư đoàn trường, Chủ tịch hội SV trường là GV	
	- Số lượng SV chính quy từ 10.000 trở lên	40
	- Số lượng SV chính quy từ 5.000 đến 10.000	50
	- Số lượng SV chính quy dưới 5.000	60
16.	Bí thư liên chi đoàn khoa	60
17.	Giảng viên không giữ chức vụ quản lý đang công tác tại các phòng, trung tâm của trường	35
18.	Giảng viên đang trong thời gian học NCS (đúng tiến độ học tập, có báo cáo đánh giá kết quả học tập:	
	- Tập trung	0
	- Không tập trung	30
19.	Giảng viên tập sự	50
20.	Giảng viên đang trong thời gian nuôi con nhỏ (dưới 36 tháng và không vi phạm pháp lệnh dân số)	90
21.	Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài hạn được miễn 100% số giờ NCKH tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.	

(Giảng viên giữ hai hoặc nhiều chức vụ quản lý khác nhau thì tính tiêu chuẩn giờ giảng theo chức vụ có định mức phải thực hiện thấp nhất)

- * Các trường hợp khác: định mức thực hiện theo định mức giờ giảng dạy tại Quyết định số 123/QĐ-Đại học Nông Lâm ngày 04/02/2021.

